

Số: 47/2018/QĐ-UBND

An Giang, ngày 20 tháng 11 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế ban hành kèm theo  
Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2018 của  
Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1629./TTr-STC ngày 12 tháng 11 năm 2018.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, như sau:**

1. Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 3. Cơ quan chuyên môn được UBND các cấp uỷ quyền ký hợp đồng uỷ thác với NHCSXH các cấp**

1. Cấp tỉnh: cơ quan chuyên môn được giao nhiệm vụ ký hợp đồng uỷ thác với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh được giao quản lý);

2. Cấp huyện: cơ quan chuyên môn được giao nhiệm vụ ký hợp đồng uỷ thác với Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện được giao quản lý).”

2. Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 7. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay (nếu có) do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định trên cơ**

sở các quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội và đề xuất của Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.”

3. Khoản 2, Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng quy định tại điểm c Khoản 1 Điều này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập và một số nội dung, mức chi đặc thù phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.”

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 11 năm 2018. Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Website Chính phủ;
- Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBNDTTQ tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: TC, LĐTBXH, KH&ĐT;
- Kho bạc nhà nước tỉnh;
- Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Website tỉnh An Giang;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, KTTH, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thanh Bình**